TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2018/DS –ST
Ngày 05-9-2018
V/v *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Trần Văn Mẫn**
Các Hội thẩm:
1. Ông **Phan Văn Thiện**
2. Bà **Lê Thị Tân An**

Thư ký phiên toà: Ông **Bùi Tuấn Kiệt** – Thẩm tra viên Toà án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà **Trần Cẩm Tú**-Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2018/TLST–DS ngày 07/5/2018 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐST-DS ngày 10/8/2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Đ,** sinh năm 1981; nơi đăng ký thường trú: Khu vực Bình Thuận, phường Trường Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Có mặt

2.Bị đơn:
Ông **Nguyễn Công C**, sinh năm: 1950. Vắng mặt
Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1954. Có mặt
Cùng nơi cư trú: Khu vực 04, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ, tình tiết có trong hồ sơ vụ án được tóm tắt như sau:

Nội dung khởi kiện của Nguyên đơn.

Do có mối quan hệ quen biết, nên vào ngày 09 tháng 5 năm 2017 bà Đ có cho ông C vay số tiền 30.000.000 đồng để bổ sung vốn kéo đường ống nước, lãi suất 10%/tháng, thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày 09/5/2017.

Đến ngày 10/10/2017, ông C đóng lãi cho bà Đ được 11.000.000 đồng, giữa ông C và bà Đ có làm giấy cho mượn nợ lại. Theo đó, bên bà Đ cho ông C mượn 30.000.000 đồng, thời gian mượn 03 tháng, không tính lãi suất.

Khi nộp đơn khởi kiện, bà Đ yêu cầu ông C và bà N trả tổng cộng số tiền là 45.000.000 đồng (trong đó tiền vốn 30.000.000 đồng; tiền lãi 15.000.000 đồng). Nay, bà Đ rút lại một phần chỉ yêu cầu ông C và bà N trả tiền vốn là 19.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi kể cả trong giai đoạn thi hành án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Thừa nhận ông C có mượn số tiền trên của bà Đ, và lãi suất thỏa thuận như trên. Tuy nhiên, theo bà được biết thì số tiền 11.000.000 đồng là tiền vốn ông C trả cho bà Đ. Ngoài ra, ông C còn trả lãi cho bà Đ nhưng không rõ là bao nhiêu. Nay bà đồng ý theo yêu cầu của bà Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, và lời thừa nhận của bà Nguyễn Thị N, thì việc ông C và bà N vay tiền của bà Đ số tiền 30.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, theo bà N thì ông C có đóng lãi cho bà Đ, bà Đ không thừa nhận, thế nhưng, bà N và ông C không có căn cứ để chứng minh được số tiền đã đóng lãi cho bà Đ, và cũng không nêu rõ số tiền đã đóng là bao nhiêu nên không có cơ sở để xem xét cụ thể sự phản đối của bị đơn. Trong khi đó, bà Đ chỉ thừa nhận tiền lãi là 11.000.000 đồng, nên chỉ có căn cứ chấp nhận phạm vi thừa nhận này. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc ông C và bà N phải trả cho bà Trần Thị Đ số tiền 19.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật*:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay theo biên nhận nợ ngày 09/5/2017 và 10/10/2017, bị đơn không đồng ý. Từ đó, các bên phát sinh tranh chấp. Đây là loại hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật được xác định *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2].*Về tố tụng*:

- Xét thấy, bị đơn ông Nguyễn Công C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của đương sự theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3].*Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Nhận thấy, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, và lời thừa nhận của bà Nguyễn Thị N thì thể hiện, ông C và bà N vào ngày 09/5/2017 có vay của bà Đ số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 10/%/tháng, thời hạn trả nợ là 05 tháng kể từ ngày 09/5/2017. Tuy nhiên, các bên chưa thống nhất về số tiền lãi đã đóng được bao nhiêu, và số tiền 11.000.000 đồng bên bà Đ thì cho rằng số tiền này ông C trả tiền gốc cho bà Đ, ngược lại bà N cho rằng số tiền này là tiền lãi. Theo quy định tại điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, trong trường hợp này, bên bị đơn phải có nghĩa vụ chứng minh số tiền lãi đã đóng cụ thể bao nhiêu và số tiền 11.000.000 đồng trên là tiền vốn. Thế nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông C vắng mặt, còn bà N thì cho rằng có đóng nhưng không rõ bao nhiêu, đồng thời cũng không có căn cứ để chứng minh cho việc đóng lãi, nên chỉ có căn cứ chấp nhận theo lời thừa nhận của nguyên đơn số tiền lãi đã đóng là 11.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa bà Đ rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả 19.000.000 đồng, như vậy cộng với tiền lãi 11.000.000 đồng nữa cũng mới bằng tiền vốn gốc (30.000.000 đồng). Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời, phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên cần chấp nhận.

[4].*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Theo Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì án phí trong vụ án được xác định như sau:

- Án phí dân sự trong vụ án = Tổng giá trị tài sản tranh chấp 19.000.000đồng x 5% = 950.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng:

Các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 217 và 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 463 Bộ luật Dân sự;

Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Công C và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Đ số tiền **19.000.000** đồng (Mười chín triệu đồng).

Bà Đ không yêu cầu tính lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Công C và bà Nguyễn Thị N phải nộp 950.000đồng(Chín trăm năm chục ngàn đồng).

Bà Trần Thị Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ đã nộp 1.125.000 đồng theo biên lai thu số 001865 ngày 26/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận Ô Môn;
- Thi hành án quận Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Văn Mẫn